

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

2

**KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC**

**BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ
TRỊ VĂN HÓA QUẢNG
NAM TRONG THỜI KỲ HỘI
NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN**

Tam Kỳ, ngày 20/9/2019

BAN TUYỂN CHỌN

Nguyễn Thanh Hồng

Tôn Thất Hương

Trần Văn Dũng

Tài liệu lưu hành nội bộ

(S5'GH)

- Các tham luận xếp theo thứ tự A, B, C tên tác giả
- Nghiêm cấm trích dẫn và chuyển cho bất cứ tổ chức, cá nhân nếu không được sự cho phép của tác giả
- Tác giả tự chịu trách nhiệm về nội dung tham luận

MỤC LỤC THAM LUẬN

TT- Tác giả - Tên tham luận – Trang

- 1-TS. Trần Thị Mai An Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng *Bảo tồn di sản văn hóa vùng Quảng Nam: Sự liên kết hữu hình từ quá khứ - hiện tại đến tương lai*
- 2-TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội *Một số giải pháp khôi phục và phát triển nghề dệt lụa tại làng nghề truyền thống Mã Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam*
- 3-Trần Văn An Trung tâm Quản lý Bảo tồn DSVH Hội An *Biển đảo trong văn hóa Quảng Nam*
- 4-TS. Ngô Vương Anh Tòa soạn Báo Nhân dân *Phát huy, phát triển những giá trị văn hóa đa dạng ở Quảng Nam - một vài điểm nhìn*
- 5-PGS. TS. Trần Bình - ThS. Lê Thị Minh Huyền (Trường Đại học Văn hóa Hà Nội) *Một số vấn đề về bảo tồn, phát huy giá trị nhà Gươl của người Cơ tu ở Đông Giang*
- 6-Nguyễn Trung Bình Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam *Đâm trâu kiểu nông thôn mới*
- 7-GS.TS. Trương Quốc Bình Ủy viên Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia *Bảo vệ và phát huy giá trị kho tàng di sản văn hóa Quảng Nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển*
- 8-PGS.TS Nguyễn Duy Bính Trường Đại học Sư phạm Hà Nội *Những giá trị văn hóa về vùng đất và con người xứ Quảng*
- 9-ThS. Nguyễn Văn Biểu Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam *Quảng Nam vùng đất đặc trưng độc đáo về lịch sử và văn hóa*
- 10-ThS. Văn Thu Bích Phó Chủ tịch Hội Âm nhạc T P Đà Nẵng *Di sản âm nhạc truyền thống Quảng Nam trước thách thức của thời đại*
-
-
-
- 80-PGS.TS Trần Thuận Trường ĐHKHXH&NV Tp HCM *Lụa Duy Xuyên và thương cảng Hội An điểm nhấn của con đường tơ lụa trên biển*
- 81-TS. Trịnh Tiến Thuận (ĐHSPTp HCM) PGS.TS. Nguyễn Duy Bính (ĐHSP Hà Nội) *Hội An - Trung tâm giao lưu văn hóa Nhật- Việt và văn hóa thế giới thời kỳ chúa Nguyễn (TK XVII)*
- 82-TS. Đặng Như Thường Viện Sư phạm xã hội, Trường Đại học Vinh *Hát Bội Quảng Nam - Di sản văn hóa nghệ thuật đặc sắc cần được bảo tồn và phát huy*

- 83-ThS. Hoàng Thị Thu Thủy Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam *Vai trò của cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản (Trường họ làng cổ Lộc Yên, xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước)*
- 84-TS. Trần Thị Minh Thư Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam *Nghệ thuật Tuồng Quảng Nam: Giá trị, biến đổi và thách thức*
- 85-PGS.TS. Trần Thuận Trường Đại học KHXH&NV Tp HCM *Lựa Duyệt Xuyên và thương cảng Hội An - Điểm nhấn của con đường tơ lụa trên biển*
- 86-TS. Trịnh Tiên Thuận, ĐHSPTp HCM PGS.TS. Nguyễn Duy Bình, ĐHSPhà Nội *Hội An - Trung tâm giao lưu văn hóa Nhật - Việt và văn hóa thế giới thời kỳ chúa Nguyễn (thế kỷ XVII)*
- 87-TS Lê Xuân Thông (Viện Khoa học Xã hội vùng Trung bộ) ThS. Đinh Thị Toan (Nhà trung bày Hoàng Sa, Đà Nẵng) *Văn bia Phật giáo Quảng Nam từ thời chúa Nguyễn đến triều Nguyễn (nửa sau thế kỷ XVII - 1945)*
- 88-TS. Lê Xuân Thông Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ *Chùa dân gian xứ Quảng: tình hình xây dựng, kiến trúc và thờ tự*
- 89-PGS. TS Tạ Văn Thông Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam *Bảo tồn và phát huy một giá trị văn hóa truyền thống đang có nguy cơ mai một ở Quảng Nam: ngôn ngữ các dân tộc thiểu số*
- 90-PGS.TS. Lưu Khánh Thơ Viện Văn học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam *Các nhà thơ xứ Quảng trong phong trào thơ mới*
- 91-ThS. Nguyễn Chí Trung Trung tâm QLBT DSVH Hội An *Di sản văn hóa làng nghề ở Quảng Nam - một số vấn đề đặt ra trong tg thời kỳ hội nhập, phát triển hiện nay*
- 92-ThS. Nguyễn Thị Thu Trang Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam *Du lịch di sản ở Quảng Nam (một số giải pháp bảo vệ và phát huy)*
- 93-TS. Vũ Diệu Trung Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam *Giải pháp bảo tồn và phát triển làng nghề đúc đồng Phước Kiều, Quảng Nam*
- 94 - ThS. Tạ Trần Trọng Trường Đại học Văn Hiến Tp. Hồ Chí Minh *Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Nam - thực trạng và giải pháp***
- 95-TS. Nguyễn Thị Thanh Vân Trường Đại học Văn hóa Hà Nội *Làng dệt Mã Châu, Duy Xuyên, Quảng Nam truyền thống và định hướng phát triển*
- 96-PGS.TS Phạm Thị Thùy Vinh Viện Nghiên cứu Hán Nôm *Địa danh làng xã thuộc tỉnh Quảng Nam và các tiền hiền đến khai cơ qua điều tra xã chỉ năm 1943, 1944*
- 97-Võ Quang Vinh Công an tỉnh Quảng Nam *Nghiên cứu và vận dụng luật tục trong việc đảm bảo an ninh trật tự ở vùng các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển*
- 98-TS. Trần Tấn Vịnh Trường Đại học Quảng Nam *Bảo tồn và phát huy nghề dệt thổ cẩm của dân tộc Cơ Tu ở Quảng Nam*

99-Nguyễn Thị Vũ Thành phố Hồ Chí Minh *Bảo tồn văn hóa nhìn từ đội ngũ nhà
sĩ Thăng Bình dưới triều Nguyễn*

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH QUẢNG NAM-THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ThS. Tạ Trần Trọng
Trường Đại học Văn Hiến, Tp Hồ Chí Minh

1. Tóm tắt

Theo thống kê, trên địa bàn tỉnh Quảng Nam hiện có khoảng 130.000 đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 9% tổng dân số của tỉnh. Trong những năm qua, từ những chủ trương, chính sách chung của Trung ương, của tỉnh đã được cụ thể hóa thành những chương trình, dự án, kế hoạch để triển khai thực hiện và đã đạt được những kết quả đáng kể... Với phương pháp duy vật biện chứng; duy vật lịch sử và một số phương pháp nghiên cứu khác... Tham luận có kết quả từ các nội dung nghiên cứu: Tiềm năng giá trị văn hóa; thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa; giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam. Tham luận kế thừa một số luận điểm phù hợp của các bài viết trước và phân tích luận điểm mới như: Luận điểm 7 của mục 4; luận điểm 1, 3, 4 và 5 của mục 6 và phần Kết luận.

2. Đặt vấn đề

Tỉnh Quảng Nam nằm ở vị trí trung độ của cả nước, là sự tổng hòa của những yếu tố địa lý của vùng lục địa hải đảo là núi – đồi – châu thổ – biển. Phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên – Huế, phía Tây giáp CHDCND Lào, phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi và Kon Tum Hiện nay tại Quảng Nam có 34 tộc người cùng sinh sống trên địa bàn trong đó đông nhất là người Kinh rồi đến người Cơ Tu, người Xơ Đăng và người Giẻ Triêng... Các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam chủ yếu phân bố tại các huyện như sau: huyện Nam Giang có các Cơ Tu, Giẻ Triêng là đông nhất. Còn huyện Đông Giang và Tây Giang thì chủ yếu 95% là dân tộc Cơ Tu. Huyện Phước Sơn có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống nhất bao gồm 15 dân tộc như: Bh'noong, Kinh, Ca Dong, Giẻ, Tày, Nùng, Mường, Sán Diu, Cơ Tu, Bru-Vân Kiều, Pacô, Giá Rai, Hơ Rê, Co và Ve, trong đó, người Bh'noong chiếm 59% dân số trong huyện. Huyện Nam Trà My từ thời điểm chia tách địa giới hành chính năm 2003 chỉ còn gồm các dân tộc Ca Dong (Xê Đăng), M'Nông, Co... Bắc Trà My chủ yếu là Kinh, Kadong, Kor cùng sinh sống trên địa bàn huyện.[1]

3. Một số nét về tiềm năng giá trị văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Nam

Tỉnh Quảng Nam hiện có trên 32.000 hộ đồng bào dân tộc thiểu số với khoảng 130.000 nhân khẩu, chiếm gần 9% dân số toàn tỉnh, sinh sống chủ yếu ở 6 huyện miền núi gồm: Nam Trà My, Bắc Trà My, Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang và Phước Sơn. Trong đó, miền núi phía Tây, vùng Nam Trường Sơn là nơi cư trú của các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn – Khme. Dân tộc Cơ Tu có 37.310 người, chiếm 2,71%; dân tộc Xơ Đăng có 30.231 người, chiếm 2,2%, dân tộc Giẻ – Triêng có 4.546 người, chiếm 0,33%, dân tộc Cor có 4.607 người, chiếm 0,33%. Các tộc người này chính là lớp cư dân bản địa tại miền núi Quảng Nam, trải qua bề dày lịch sử, họ đã có nhiều đóng góp trong xây dựng, bảo vệ, phát triển vùng đất Nam Trường Sơn.[2] Trên bản đồ phân bố các tiểu nhóm ngôn ngữ trong ngữ hệ Môn – Khme, Quảng Nam

là vùng đệm giữa nhánh Bhanaric và Cotuic. Theo sự phân chia này, người Cơ Tu thuộc vào nhánh Catuic ở phía Bắc, có sự gắn kết chặt chẽ với người Pacô, Tà ôi, Bru – Vân Kiều. Cho nên, có thể nói rằng, Cơ tu chính là bản lề nối kết các cư dân thuộc ngôn ngữ Bhanaric với các dân tộc phía Bắc miền Trung (thuộc nhánh Cotuic).

Nhánh Cotuic bao gồm các tộc người Bru -Vân Kiều, Tà ôi, Cơ Tu; trong mối quan hệ ngôn ngữ là những cư dân vốn cư trú ở miền Bắc và Tây Bắc ngành Ba Na ở Việt Nam và Lào. Nhánh Bhanaric gồm các tộc người Xơ Đăng, Co, Giẻ – Triêng... cư trú trên một vùng rộng lớn từ núi Hải Vân trở vào qua đến biên kia biên giới Việt – Lào, tới bờ sông Mê Kông và phía Nam đến tận vùng Quảng Ngãi và Kon Tum ngày nay. Dân tộc Cơ Tu thuộc ngôn ngữ Môn – Khme ngành Cotuic, là tộc người có địa bàn cư trú bao trọn một vùng rộng lớn núi non trùng điệp, trên những cao nguyên của hai quốc gia Việt Nam và Lào... Hiện nay tại Quảng Nam có 34 tộc người cùng sinh sống trên địa bàn trong đó đông nhất là người Kinh rồi đến người Cơ Tu, người Xơ Đăng và người Giẻ Triêng [2]

Các yếu tố tài nguyên từ nền văn hóa của các tộc thiểu số, đặc biệt là cộng đồng người Catu như sau:

Một là, cảnh quan với những triền rừng núi trùng điệp, hiểm trở đa phần là rừng nguyên sinh, tạo ra sức hấp dẫn tự nhiên cho các loại hình du lịch văn hóa và sinh thái. Sự gần gũi của nơi cư trú với sự hoang sơ của tự nhiên chưa bị phá vỡ, chắc chắn sẽ thu hút sự quan tâm của không chỉ du khách trong nước mà cả du khách quốc tế.

Hai là, nhờ bàn tay lao động và tri thức bản địa của người thiểu số mà khung cảnh đồng ruộng, làng bản vừa phản ánh loại hình kinh tế, sinh thái nhân văn vừa phản ánh hình thái cư trú trong một thiết chế xã hội truyền thống của từng cộng đồng nhỏ, của từng tộc người địa phương. Chính những tri thức về quan hệ xã hội này là nguồn cung cấp nhiều thông tin du lịch văn hóa cho du khách.

Ba là, các giá trị văn hóa vật thể thể hiện qua phong cách kiến trúc nhà cửa, kết cấu thôn bản, các loại hình trang phục, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, công cụ lao động, sản xuất, các loại phương tiện vận chuyển, các loại sản phẩm phục vụ ẩm thực, giải trí,... rất đa dạng. Tất cả những biểu hiện này của văn hóa vật chất từng tộc người thường được sáng tạo theo những nhu cầu riêng, nhận thức và ý thức thẩm mỹ riêng. Đó là cơ sở để hấp dẫn du khách bởi các đặc trưng và bản sắc riêng của tộc người.⁹⁶²

Bốn là, các giá trị văn hóa phi vật thể được thể hiện qua các lễ hội dân gian, tôn giáo tín ngưỡng, các hình thức sinh hoạt nghệ thuật dân gian như ca hát, âm nhạc, nhảy múa,... là nguồn tài nguyên văn hóa đa dạng và sinh động nhất, luôn luôn đem lại sức hấp dẫn đặc biệt đối với mọi thành phần, lứa tuổi, nghề nghiệp khách du lịch xa gần.

Năm là, nếp sống tộc người thể hiện qua chu kỳ làm việc, cách thức sinh hoạt hằng ngày hay theo các mùa, theo chu kỳ sinh hoạt của cộng đồng, các tập tục do ứng xử của con người với tự nhiên và xã hội hình thành nên. Nguồn tài nguyên du lịch này là những thông tin bổ ích cho việc nhận biết về một dạng tri thức bản địa, kinh nghiệm sống và kinh nghiệm ứng xử của một dân tộc hay tộc người địa phương.

Sáu là, các mối quan hệ trong phạm vi gia đình, cung cách sinh hoạt gắn với các chu kỳ sản xuất và sinh hoạt lễ tiết của dòng họ, của cộng đồng mà nổi bật trong đó là các quanniệm và quá trình thực hành nghi lễ vòng đời trên cuộc hành trình của đời người từ chiếc nôi đến nghĩa địa. Nguồn thông tin từ một không gian chật hẹp nhưng lại chứa đựng

những tài nguyên văn hóa phong phú, đa dạng. Đó chính là các thành tố văn hóa đặc trưng, từ đó trở thành cội nguồn bản sắc văn hóa dân tộc.

Bảy lá, Quảng Nam và Lào (Quảng Nam giáp với tỉnh Sekong)) có đường biên giới láng giềng anh em, có ý nghĩa chiến lược hết sức quan trọng đối với an ninh của nhau, có lịch sử văn hoá phát triển lâu đời, có mối quan hệ và lợi ích kinh tế - xã hội gắn bó, có chung số phận phải chiến đấu chống ngoại xâm trong nhiều thời kỳ lịch sử... giờ đây 2 nước đã độc lập thống nhất, hai tỉnh có đường biên dài 142km [3] tiền đề để xây dựng thêm tình đoàn kết truyền thống giữa 2 dân tộc Việt Nam và Lào

Điều nổi bật là sự hiện diện ngôi nhà chung của cộng đồng, nơi tập kết thường kỳ của các lễ tục, tín ngưỡng, nơi quy tụ, điều chỉnh và duy trì nếp sống văn hóa đặc trưng của cộng đồng. Trong không gian văn hóa của ngôi nhà chung ở vị trí trung tâm cư trú cộng đồng, sự hòa quyện, kết hợp một cách sinh động, tự nhiên nhưng có lớp lang của phong tục, luật tục, tập quán cùng mọi nguồn tài nguyên văn hóa đặc trưng nhất do tộc người sáng tạo, đã được duy trì và phục vụ chính nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của cá nhân - gia đình - cộng đồng trong lịch sử phát triển. Thực trạng của đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số Quảng Nam dẫn đến một vấn đề chung cần trả lời là: Để phục vụ cho công cuộc xây dựng đời sống kinh tế - văn hóa tộc người, khai thác, phát huy và bảo tồn nó trong quá trình phát triển du lịch văn hóa, chúng ta cần nhận thức và có giải pháp lựa chọn bảo tồn di sản văn hóa tộc người như thế nào cho phù hợp và mang lại hiệu quả bền vững?

Không gian văn hóa tộc người miền núi Quảng Nam nhìn từ thực trạng khép kín - liên mạch, đó chủ yếu là không gian văn hóa của cộng đồng tộc người Catu, chiếm hầu hết diện tích của các huyện Tây Giang, Đông Giang và Nam Giang. Vì thế, các điểm chốt văn hóa thể hiện qua vị trí các làng văn hóa, các di tích lịch sử, các danh thắng nằm trên lộ trình du lịch văn hóa khép kín như đã nêu trên đây chủ yếu do người Catu chiếm lĩnh, thuộc các làng dọc đường Hồ Chí Minh. Tiếp thu kinh nghiệm bảo tồn làng văn hóa các dân tộc phục vụ du lịch văn hóa của một số nước trong khu vực, cần xây dựng làng văn hóa dân tộc Catu theo công nghệ bảo tồn phù hợp với đặc trưng dân tộc và điều kiện địa lý Quảng Nam hiện nay.

4. Khái quát thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Nam

Theo Nghị định 05/2011 NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14-1-2011: “*Dân tộc thiểu số*” là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. “*Dân tộc đa số*” là dân tộc có số dân chiếm trên 50% tổng dân số của cả nước, theo điều tra dân số quốc gia. “*Vùng dân tộc thiểu số*” là địa bàn có đồng các dân tộc thiểu số cùng sinh sống ổn định thành cộng đồng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. “*Dân tộc thiểu số rất ít người*” là dân tộc có số dân dưới 10.000 người. Một trong các sự kiện nổi bật nhất về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Nam là: Đầu năm 2018 tại khu phố cổ Hội An, Sở văn hóa thông tin thể thao & du lịch phối hợp với Ủy ban nhân dân Hội An và các huyện: Nam Giang, Tây Giang, Đông Giang, Phước Sơn, Nam Trà My và Bắc Trà My, tổ chức vào 'Ngày văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam 2018 lần thứ nhất'. Đây là sự kiện được tổ chức thường xuyên vào tối 15 âm lịch hằng tháng tại Hội An (từ ngày

31/1/2018 đến ngày 2/12/2018 lần lượt có 9 phiên trình diễn) Sự kiện “Ngày văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam 2018 lần thứ nhất” nhằm quảng bá, giới thiệu tiềm năng văn hóa, du lịch vùng đặc trưng của đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi phía Tây của Quảng Nam đến với đông đảo du khách trong và ngoài nước tại Hội An. Mỗi đêm rằm hàng tháng, tại phố cổ các đoàn nghệ nhân, diễn viên của đồng bào Giẻ Triêng (Ve-Tà Riêng), Cơ Tu, Cơ R, Cơ Dong và Bnong ở 6 huyện miền núi Quảng Nam sẽ luân phiên trình diễn nghệ thuật truyền thống của dân tộc mình như múa Tân tung da dá của người Cơ Tu, Nói lý, Hát lý của người Cơ Tu, những bài hát ru, hát trong khi dệt vải của người Tà Riêng, hát đối đáp ting ting của người Cơ R; biểu diễn các loại nhạc cụ truyền thống như trống, chiêng của người Cơ Tu, đấu chiêng của người Cơ R, trống H’gor của người Tà Riêng, đàn Klôngpút của người Cơ Dong... và nhiều làn điệu dân ca, dân vũ hết sức trữ tình và sâu lắng. Ngoài ra, sự kiện còn là dịp để đồng bào các dân tộc anh em sinh sống trên dãy Trường Sơn hùng vĩ trình diễn nghề thủ công truyền thống, khoe sự tài hoa qua bàn tay con người

như dệt thổ cẩm, đan mây tre và nhiều nghề truyền thống khác. Đồng thời, tổ chức trưng bày và bán sản phẩm thủ công mỹ nghệ, các đặc sản mang đậm hương vị của núi rừng. Các trò chơi dân gian, các hoạt động giao lưu cũng được giới thiệu đến du khách như ném đũa vòng, nhảy sạp, giã gạo... Bên cạnh đó Ban tổ chức cũng dành những cơ hội nhận giải thưởng cho các du khách khi tham gia sự kiện.

Trong ngày khai mạc đầu tiên năm 2018, thu hút gần 50 già làng và các nghệ nhân, nghệ sỹ Cơ tu của huyện Tây Giang trình diễn, giao lưu với du khách trong và ngoài nước cùng người dân phố Hội tại các tuyến phố cổ, vườn tượng An Hội và khu nghỉ dưỡng Anantara... “Ngày văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam 2018 lần thứ nhất” sẽ là cơ hội để các dân tộc thiểu số trong tỉnh đến giao lưu, học hỏi và trình diễn những tiết mục đặc sắc cho du khách trong và ngoài nước tham quan. Bên cạnh đó ngày hội cũng là nơi để các thế hệ trẻ hiểu hơn và gìn giữ nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc mình [6].

Triển khai thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015”, đến nay, bộ mặt nông thôn miền núi Quảng Nam đã có nhiều khởi sắc, đời sống đồng bào các dân tộc được cải thiện rõ rệt, nhiều gia đình thoát nghèo bền vững.

Tỉnh Quảng Nam chú trọng công tác quy hoạch, sắp xếp, xây dựng khu dân cư gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho đồng bào ở các huyện miền núi để họ có chỗ ở ổn định, có đất sản xuất. Năm 2017, tỉnh đã bố trí gần 106 tỷ đồng để sắp xếp chỗ ở, hỗ trợ tiền làm nhà cho gần 1.500 hộ đồng bào; hỗ trợ người dân phát triển sản xuất... Các huyện miền núi tỉnh Quảng Nam thực hiện hiệu quả việc đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc các Chương trình 135 và Nghị quyết 30a của Chính phủ; hỗ trợ phát triển lâm nghiệp gắn với giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa; hỗ trợ đồng bào phát triển được liệu theo cơ chế khuyến khích của địa phương. Trong hai năm 2016 và 2017, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã phân bổ hơn 165 tỷ đồng để hỗ trợ Quảng Nam đầu tư xây dựng các

công trình cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất cho 6 huyện nghèo, 19 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

Chương trình 135 đã phân bổ 112 tỷ đồng để hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất tại các thôn, xã đặc biệt khó khăn. Đặc biệt, sau hơn một năm thực hiện các chính sách khuyến khích thoát nghèo theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 19/4/2017 của HĐND tỉnh, đến nay, toàn tỉnh có gần 4.000 hộ, trong đó riêng các huyện miền núi, nơi cư trú chủ yếu của đồng bào dân tộc thiểu số có trên 2.700 hộ đăng ký thoát nghèo bền vững. Đây được xem là bước khởi đầu đáng khích lệ của các huyện vùng sâu, vùng xa tỉnh Quảng Nam trong công tác giảm nghèo bền vững cho đồng bào.

Với việc triển khai thực hiện một cách đồng bộ các nhóm giải pháp và triển khai lồng ghép các chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo, sau 2 năm thực hiện mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh Quảng Nam đã đạt được những kết quả ban đầu đáng ghi nhận. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của vùng đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam trong năm 2017 đạt khoảng 7,1%, cao hơn mức tăng bình quân chung của tỉnh là 5,55%. Trên địa bàn tỉnh có ngày càng nhiều gia đình đồng bào dân tộc thiểu số có thu nhập trên 200 triệu đồng/hộ/năm.

Cùng với tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ hộ nghèo ở 9 huyện miền núi, đặc biệt là 6 huyện vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm đáng kể, bình quân giảm 5%/năm. Cơ sở hạ tầng phát triển, tỷ lệ trạm y tế đạt chuẩn ở vùng sâu, vùng xa đạt trên 37%, tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng điện quốc gia tăng nhanh. Hiện nay, tỷ lệ hộ đồng bào các dân tộc thiểu số được sử dụng điện đạt gần 92%, hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 81%, tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số nhập học đúng tuổi bậc tiểu học đạt gần 97%, hoàn thành chương trình tiểu học đạt 96,5%, tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 15 tuổi trở lên biết chữ đạt gần 98%. [7]

Tóm lại: Thời gian qua, tỉnh và nhiều địa phương đã tập trung đầu tư cho hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số, tổ chức khảo sát, thống kê, đánh giá thực trạng các giá trị văn hóa truyền thống, từng bước kiểm kê di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, lập hồ sơ khoa học, từ đó có kế hoạch gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa,

góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội trong việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số. Tỉnh, huyện thường định kỳ tổ chức các hoạt động biểu diễn, giao lưu văn hóa nghệ thuật quần chúng mang tính cộng đồng. Việc tổ chức định kỳ "Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc" đã thu hút đông đảo nghệ nhân, diễn viên, vận động viên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao dân gian truyền thống đặc sắc, góp phần phục hồi, phát triển các làn điệu dân ca, dân nhạc, dân vũ, trò chơi dân gian và lễ hội truyền thống thủ công mỹ nghệ của mỗi địa phương, khơi nguồn sáng tạo trong cộng đồng các dân tộc. Các địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện miền núi Quảng Nam đã có nhiều cố gắng, phấn đấu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng mà tỉnh và huyện đề ra; đồng bào các dân tộc thiểu số đã có nhiều thay đổi về nhận thức trong phát triển sản xuất, xây dựng đời sống nông thôn mới, nâng cao ý thức gìn giữ và phát triển bản sắc văn hóa của từng dân tộc, tự thân vươn lên xóa đói giảm nghèo.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đã đạt được, còn những hạn chế liên quan đến công tác

dân tộc và thực hiện các chính sách dân tộc trong thời gian qua, nhất là các hạn chế về nhận thức của các cấp, các ngành, địa phương và bản thân người dân trong triển khai, thực hiện. Trong quá trình thực hiện có nơi thiếu tập trung, còn gian trá, không đồng bộ nên hiệu quả không cao; việc ban hành các chính sách liên quan đến dân tộc và miền núi nằm rải rác tại khu vực miền núi, nhất là những vùng đặc biệt khó khăn là rất lớn nhưng vốn đầu tư có hạn; động viên cán bộ cấp xã còn hạn chế về năng lực... đã tác động không nhỏ đến hiệu quả thực hiện các chính sách liên quan đến công tác dân tộc...

5. Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Nam trong hiện nay

Lãnh đạo Quảng Nam đã đề ra kế hoạch bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2018 - 2025. Theo đó, mục tiêu đề án là huy động mọi nguồn lực nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của đồng bào các dân tộc, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Bảo tồn, phát huy, tôn vinh giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số; khuyến khích sáng tạo các giá trị văn hoá mới góp phần giảm dần sự chênh lệch về mức sống và hưởng thụ văn hóa; gắn kết việc xây dựng đời sống văn hóa với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn tài nguyên thiên nhiên và nhân văn; chú trọng bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng tái định cư thủy điện [8]. Để đạt các mặt đề án trên, tham luận có các kiến nghị chủ yếu sau:

Một là, Quảng Nam và Lào (Quảng Nam giáp với tỉnh Sekong)) có đường biên giới láng giềng anh em có ý nghĩa chiến lược hết sức quan trọng đối với an ninh của nhau, có lịch sử văn hoá phát triển lâu đời, có mối quan hệ và lợi ích kinh tế - xã hội gắn bó, có chung số phận phải chiến đấu chống ngoại xâm trong nhiều thời kỳ lịch sử... giờ đây 2 nước đã độc lập thống nhất, hai tỉnh có đường biên dài 142km. Đây là tiền đề để xây dựng tình đoàn kết giữa 2 dân tộc Việt Nam và Lào. Vùng biên giới giữa Quảng Nam - Lào là vùng đồi núi, dân cư sinh sống ở khu vực biên giới chủ yếu là dân tộc thiểu số. Sự phân bố dân cư ở các xã biên giới mang tính đặc thù của vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, phức tạp và hiểm trở. Nhìn chung, cư dân dọc tuyến rất thưa, chủ yếu tập trung ở thị trấn, ven đường lộ... Chúng ta cần quan tâm xây dựng kinh tế - xã hội không chỉ đồng bào dân tộc Việt Nam vùng biên giới mà còn giúp đỡ nhân dân bạn Lào... Đã có đường điện cao thế xuyên Việt; có quốc lộ Đông Trường Sơn. Vấn đề còn lại là kéo lưới điện đến từng hộ; mở đường giao thông đến từng bản làng. Cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt nói: "Đường đến đâu kinh tế phát triển đến đó. Điện đến đâu văn minh đến đó"... Thực hiện các vấn đề trên là tiền đề bảo tồn và khai thác tối ưu kho tàng văn hóa vùng ven biên giới nói riêng, kho tàng văn hóa dân tộc thiểu số của tỉnh Quảng Nam nói chung: (1) Bảo tồn khai thác có hiệu quả văn hóa dân tộc thiểu số; (2) Phát triển kinh tế - xã hội; (3) giữ vững an ninh - quốc phòng. Ba mặt này tác động biện chứng với nhau

Hai là, xây dựng các chính sách nhằm khuyến khích bảo quản, truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Định kỳ luân phiên đăng cai tổ chức ngày hội về văn hóa giữa các tỉnh là một cơ hội rất quý để có được những góp ý, chia sẻ thực tế vấn đề các bên đều quan tâm. Đây là cơ hội để tỉnh Quảng Nam trao đổi kinh nghiệm, gợi ý thực tế từ các địa phương về câu chuyện bảo tồn, phát huy văn hóa miền núi và văn hóa nói chung

Liên hoan văn hóa các dân tộc thiểu số là rất quan trọng: qua giao lưu văn hóa, làm tăng sự hiểu biết và phát triển, từ đó tăng tình đoàn kết giữa các dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, tỉnh cũng nên định kỳ tổ chức (chu kỳ 2 hoặc 3 năm) giao lưu văn hóa vùng gồm một số huyện của tỉnh; giao lưu văn hóa với toàn tỉnh; tất cả các dân tộc của vùng, của tỉnh tham gia, tất nhiên có cả dân tộc Kinh tham gia sẽ trọn vẹn hơn

Ba là, xã hội hóa bảo tồn và phát huy giá trị Văn hóa dân tộc thiểu số, cần phát huy vai trò của cộng đồng, trước hết tỉnh phải có cơ chế chính sách phù hợp và chính quyền địa phương cũng phải có sự sáng tạo linh hoạt nhất định. Chính quyền phải đưa lợi ích mà người dân nhận được từ bảo vệ di sản thông qua du lịch. Những lợi ích từ du lịch cũng là động lực tinh thần rất lớn thúc cộng đồng cư dân tích cực tham gia hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị di sản. Thực tiễn công tác quản lý di sản ở Quảng Nam cho thấy thành công của việc bảo tồn là thành quả chung của sự hợp tác chặt chẽ giữa chính quyền các cấp, cộng đồng dân cư và các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ. Tuy nhiên cần được nâng cao hơn nữa: Đào tạo các Nghệ nhân chuyên trách, có chuyên môn nghiệp vụ giỏi, am hiểu sâu về di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của địa phương mình, định kỳ trao đổi để điều chỉnh chi tiết, từ đó có sự hài hòa về lợi ích giữa các bên

Bốn là, để đồng bào dân tộc thiểu số yên tâm định canh định cư nơi ở mới, cần có đơn vị quân đội (qui mô trung đoàn) trực tiếp làm nhiệm vụ kinh tế, cộng với các đơn vị biên phòng làm công tác chính trị tư tưởng, hướng dẫn kỹ thuật canh tác nông, lâm nghiệp cho dân... những chiến sĩ “Bộ Đội Cụ Hồ” mà đồng bào dân tộc thiểu số từ thời chống Pháp và chống Mỹ thường gọi là những người có “Tâm”, có “Kỹ thuật”, họ “cùng ăn, cùng ở, cùng làm” với bà con, họ không chỉ hoàn thành nhiệm vụ về quốc phòng mà còn góp phần bảo tồn phát huy giá trị văn hóa, xây dựng vùng cao của tỉnh

Năm là, xây dựng thương hiệu các sản phẩm có mạnh để mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu. Thực hiện mục tiêu trên, phải có sự cá biệt của từng sản phẩm và có thể là sự cá biệt cho từng nghệ nhân. Chính điều đó mới góp phần tạo ra bản sắc riêng cho thương hiệu của từng cơ sở sản xuất cũng như thương hiệu chung của làng nghề, tạo cơ hội cho sản phẩm ra thị trường nhanh nhất mà người dân cũng có thu nhập, tạo động lực gìn giữ phát huy giá trị sản phẩm làng nghề. Tất nhiên, để làm được điều này đòi hỏi nhiều yếu tố từ tài chính, kỹ thuật đến tay nghề chuyên môn, trong đó vai trò của nghệ nhân rất quan trọng và mang tính quyết định. Phải ưu đãi phù hợp từ đó phát huy vai trò và tài năng của các nghệ nhân trong việc gìn giữ và phát triển văn hóa của dân tộc mình. Để khuyến khích ngành thủ công mỹ nghệ nói chung, đặc biệt là thúc đẩy các làng nghề thủ công mỹ nghệ phát triển, cần có sự thay đổi mạnh mẽ về phương thức sản xuất bằng cách ứng dụng khoa học công nghệ của cách mạng công nghiệp 4.0; nhưng trên cơ sở vẫn giữ được các yếu tố văn hóa truyền thống trong sản phẩm. Bên cạnh đó, cần thành lập hợp tác xã kiểu mới, làm cầu nối giữa các cá nhân, tập thể trong làng nghề tạo mối liên kết bền vững trong quy trình sản xuất, tiêu thụ, huy động vốn, nguyên liệu, quảng bá sản phẩm, thị trường... Đồng thời gắn kết được các khâu trong chuỗi giá trị từ thiết kế mẫu mã, cung ứng nguyên, phụ liệu đến sản xuất và tiêu thụ, tạo thương hiệu cho sản phẩm...

Sáu là, phát huy uy tín đội ngũ già làng, trưởng bản, người có uy tín sẽ phát huy tốt

vai trò trách nhiệm trong công tác vận động đồng bào các dân tộc thiểu số, góp phần quan trọng trong bảo tồn phát huy giá trị văn hóa dân tộc thiểu số cũng như xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh

Thời gian qua, nhiều già làng, trưởng bản, người có uy tín đã trở thành trung tâm đoàn kết các dân tộc, cùng nhân dân xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư. Các già làng, trưởng bản, người có uy tín đã tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng làng, bản văn hóa và xây dựng nông thôn mới; vận động đồng bào các dân tộc giữ gìn, phát huy phong tục, tập quán tốt đẹp và xóa bỏ hủ tục, bài trừ mê tín dị đoan, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới hỏi, tang lễ cũng như lễ hội. Đồng thời, người có uy tín còn vận động con cháu dòng họ, dòng tộc, người thân không tham gia vào các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, nghiện hút và làm tốt công tác hòa giải ở cơ sở. Đặc biệt, các già làng, trưởng bản, người có uy tín đã tích cực vận động đồng bào phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với những hoạt động truyền đạo trái pháp luật, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội... Họ tập trung vận động nhân dân tích cực tăng gia sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi gia súc, gia cầm và áp dụng các giống mới trong trồng trọt cho năng suất cao. Nhiều già làng, trưởng bản, người có uy tín đã áp dụng thành công các mô hình kinh tế trang trại, không chỉ làm giàu cho gia đình, mà còn giúp đỡ bằng cách hỗ trợ giống, kỹ thuật để nhiều hộ tại địa phương vươn lên thoát nghèo và làm giàu chính đáng ...

6. Kết luận

Ngày nay, trước bối cảnh hội nhập và tác động của cách mạng công nghiệp 4.0, chúng ta cần nhận thức toàn diện yếu tố kinh tế học trong di sản. Yếu tố kinh tế của di sản được biểu hiện 3 mặt cụ thể: (1) Tự thân di sản văn hóa cũng là tài sản vật chất có thể định giá được (nguyên vật liệu, công sức lao động sáng tạo của nhiều thế hệ, đất đai/ bất động sản gắn với di tích); (2) Di sản văn hóa với tư cách nguồn động lực mới cho sự phát triển; Di sản văn hóa là tài nguyên nhân văn quan trọng chiếm tỉ trọng lớn và có tác dụng làm gia tăng cho một sản phẩm du lịch và điểm đến du lịch. Bản thân văn hóa dân tộc thiểu số có những giá trị đặc sắc hiếm thấy: (1) Văn hóa đạo đức; (2) Văn hóa nghệ thuật; (3) Văn hóa pháp lý - luật tục Văn hóa dân tộc thiểu số biểu hiện sự phong phú, đa dạng và đặc sắc của văn hóa Việt Nam. Đây là công lao, kết quả sáng tạo của hơn 50 dân tộc anh em, là sản phẩm tinh thần ra đời từ tình cảm tâm hồn của nhiều cộng đồng cư trú trong những hoàn cảnh thiên nhiên địa lý khác nhau.

Tỉnh Quảng Nam hiện có trên 32.000 hộ đồng bào dân tộc thiểu số với gần 150.000 nhân khẩu, chiếm khoảng 10% dân số toàn tỉnh, sinh sống chủ yếu ở 6 huyện miền núi vùng cao gồm: Nam Trà My, Bắc Trà My, Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang và Phước Sơn. Quảng Nam là một trong số các tỉnh có nhiều di sản văn hóa cấp tỉnh, cấp quốc gia và thế giới; có nhiều loại hình văn hóa (vô hình và hữu hình) nhiều thể loại; đa dạng ngành nghề tiểu thủ công... Tỉnh chủ trương bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản phải song hành để vừa mang lại hiệu quả kinh tế nhưng vừa có điều kiện để đầu tư, trùng tu, bảo vệ di sản. Vì vậy các

cơ sở được đầu tư gìn giữ, chống xuống cấp, tạo điều kiện cho du khách tham quan nhưng không tác động tiêu cực đến di tích. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa lịch sử

nhằm góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tạo thêm nguồn thu nhập cho cộng đồng không chỉ là sự quan tâm của các cấp chính quyền, của các nhà khoa học, của nhân dân trong cả nước mà còn là sự quan tâm ngày càng lớn của bạn bè quốc tế... Tuy nhiên, việc phát huy giá trị văn hóa nói chung của dân tộc thiểu số trong tỉnh chưa cao so với tiềm năng; với sự lãnh đạo, quản lý sâu sát của Tỉnh Đảng Bộ, của Ủy Ban Nhân Dân các cấp, của Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc thiểu số tỉnh nhà sẽ đạt nhu cầu mong đợi /.

Tài liệu tham khảo

- [1] <https://baomoi.com/ngay-van-hoa-cac-dan-toc-thieu-so-tinh-quang-nam-2018-taihoi-an/c/24832712.epi> GD&TĐ02/02/18
- [2] <http://vanhoaquangnamonline.gov.vn/nghien-cuu-trao-doi/dia-vuc-cu-tru-cua-cactoc-nguoi-o-mien-nui-quang-nam.html> 23/05/2018
- [3] www.ngoaivuquangnam.gov.vn/Default.aspx?tabid=227&New=3594,
- [4] <https://loigiaihay.com/khai-niem-van-hoa-nen-van-hoa-va-nen-van-hoa-xa-hoichu-nghia-c126a20322.html>
- [5] <http://tuyengiaohungyen.vn/bai-viet/tim-hieu-khai-niem-ve-van-hoa-va-mot-sokhai-niem-lien-quan.aspx> 17 tháng 6 năm 2019 -
- [6] <https://baomoi.com/ngay-van-hoa-cac-dan-toc-thieu-so-tinh-quang-nam-2018-taihoi-an/c/24832712.epi>
- [7] <https://dantocmiennui.vn/chinh-sach/quang-nam-no-luc-giam-ngheo-ben-vung-ovung-dong-bao-dan-toc-thieu-so/176778.html> , 28/06/2018
- [8] * <http://www.quangnam.gov.vn/CMSPages/BaiViet/Default.aspx?IDBaiViet=26867>
- [9] <http://baovanhoa.vn/%C4%91oi-song/giao-duc/artmid/583/articleid/19034/baoton-va-phat-huy-gia-tri-van-hoa-trong-dong-bao-dan-toc-thieu-so160nhung-chuyen-cudoihoi-giai-phap-moi>

970

THAM LUẬN HỘI THẢO

Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Quảng Nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển

Mười Quý KH-ty 2 (90)

M/ KH (019-020)

TT	Tác giả	Tên tham luận
1.	TS. Trần Thị Mai An Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	<i>Bảo tồn di sản văn hóa vùng Quảng Nam: Sự tiến kết hữu hình từ quá khứ - hiện tại đến tương lai</i>
2.	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	<i>Một số giải pháp khôi phục và phát triển nghệ thuật dân gian làng nghề truyền thống Mã Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam</i>
3.	Trần Văn An Trung tâm Quản lý Bảo tồn DSVH Hội An	<i>Biên đạo trong văn hóa Quảng Nam</i>
4.	TS. Ngô Vương Anh Tòa soạn Báo Nhân dân	<i>Phát huy, phát triển những giá trị văn hóa đa dạng ở Quảng Nam - một vài điểm nhìn</i>
5.	PGS. TS. Trần Bình - ThS. Lê Thị Minh Huyền (Trường Đại học Văn hóa Hà Nội)	<i>Một số vấn đề về bảo tồn, phát huy giá trị nhà Gươl của người Cơ tu ở Đông Giang</i>
6.	Nguyễn Trung Bình Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	<i>Đàm trầu kiểu nông thôn mới</i>
7.	GS.TS. Trương Quốc Bình Ủy viên Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia	<i>Bảo vệ và phát huy giá trị kho tàng di sản văn hóa Quảng Nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển</i>
8.	PGS.TS Nguyễn Duy Bình Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	<i>Những giá trị văn hóa về vùng đất và con người xứ Quảng</i>
9.	ThS. Nguyễn Văn Biều Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	<i>Quảng Nam vùng đất đặc trưng độc đáo về lịch sử và văn hóa</i>
10.	ThS. Văn Thu Bích Phó Chủ tịch Hội Âm nhạc TP Đà Nẵng	<i>Di sản âm nhạc truyền thống Quảng Nam trước thách thức của thời đại</i>
11.	GS.TS. Lâm Thị Mỹ Dung - NCS. Chu Lâm Anh (Trường ĐHKHXH&NV Hà Nội) TS. Nguyễn Anh Thư (Đại học Văn hóa Hà Nội)	<i>Phát huy bền vững giá trị tài nguyên Di sản khảo cổ học Tiền sơ sử lưu vực sông Thu Bồn</i>
12.	PGS. TS. Trương Minh Đức Học viện Chính trị khu vực III	<i>Các xu hướng biến đổi của văn hóa các dân tộc thiểu số Quảng Nam và vấn đề bảo tồn và phát huy hiện nay</i>
13.	TS. Hoàng Thị Anh Đào	<i>Quảng Nam - Quá trình thiết lập quan hệ thương mại với Bồ Đào Nha</i>

	Trường Đại học Khoa học Huế	và kiến tạo ra chữ Quốc ngữ - Cách bảo tồn các giá trị văn hóa này trong giai đoạn hiện nay
14.	Nguyễn Phước Bảo Đan - Hoàng Thị Ái Hoa Phân viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Huế	Góp phần nhận diện và phát huy giá trị di sản văn hóa đôi bờ sông Trường Giang (Quảng Nam) hiện nay
15.	Đỗ Minh Điện Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế	Vài nét về thành cổ tỉnh Quảng Nam dưới thời nhà Nguyễn
16.	ThS. Nguyễn Thị Hà Giang - TS. Lê Thị Nhuận Trường Đại học Đà Lạt,	Phái huy giá trị di sản văn hóa vào hoạt động du lịch chuyên đề ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam
17.	Nguyễn Tuấn Giang Viện Sân khấu, Trường Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Sức sống văn hóa mới ở Quảng Nam
18.	ThS. Lê Thanh Hà Viện Tư điển học và Bách khoa thư Việt Nam	Sự ra đời của chữ Quốc ngữ - Dấu ấn hội nhập văn hóa của vùng đất Quảng Nam
19.	ThS. Lê Thị Hà Viện Nghiên cứu Hán Nôm	Quảng Nam tình tap biên 廣南省雜編 Tư liệu quý về văn hóa, lịch sử vùng đất Quảng Nam
20.	PGS.TS. Nguyễn Thị Song Hà Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam TS. Võ Thị Mai Phương Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam	Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Nam trong bối cảnh đổi mới, hội nhập hiện nay
21.	ThS. Đặng Đức Hạnh (Nhà xuất bản Bản đồ, Bộ TN&MT) TS. Đặng Như Thường (Viện Sư phạm xã hội, Trường Đại học Vinh)	Một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa đặc sắc trong lễ hội cúng máng nước của người Ca Dong ở huyện Bắc Trà My, Quảng Nam
22.	TS. Trần Đình Hằng Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế.	Tín ngưỡng tiên hiền và văn hóa dòng họ Quảng Nam
23.	ThS. Trần Thị Hiền Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa đảo Cù Lao Chàm - Hội An từ kết quả điều tra xã hội học
24.	TS. Lê Thị Thu Hiền - CN. Võ Mỹ Ngọc Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	Tín ngưỡng thờ Thiên hậu thánh mẫu trong cộng đồng người Việt gốc Hoa ở Hội An
25.	TS. Lê Thị Thu Hiền - CN. Huỳnh Thị Minh Lý (Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng)	Bảo tồn và phát huy giá trị di tích địa đạo Phú Ninh, Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam trong bối cảnh hội nhập hiện nay
26.	TS. Lê Thị Thu Hiền - CN. Phạm Thị Lâm	Bảo tồn và phát huy các giá trị trò chơi dân gian ở Hội An

	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	
27.	PGS.TS. Phan Ngọc Huyền Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	<i>Vùng đất Quảng Nam qua góc nhìn của môi vi giáo sĩ, môi thiền sư và một vi quan hiệp trăn</i>
28.	TS. Đỗ Thị Thu Huyền Viện Văn học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	<i>Đất và người Quảng Đà trong chiến tranh - Bàn hợp xướng của tình yêu và ý chí</i>
29.	NCS. Nguyễn Mậu Hùng Trường Đại học Khoa học Huế	<i>Một số nguyên tắc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa mang tính bản sắc của Quảng Nam trong quá trình hội nhập và phát triển</i>
30.	Ngô Thị Hương, Lê Ngọc Hậu, Phạm Thị Lâm Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	<i>Bảo tồn và phát huy giá trị của tín ngưỡng thờ tổ nghề ở Hội An</i>
31.	TS. Nguyễn Thị Lan Hương Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	<i>Phái triển du lịch làng nghề tỉnh Quảng Nam - tiềm năng, thực trạng và định hướng</i>
32.	PGS.TS Đoàn Thị Mỹ Hương Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	<i>Hình thức biểu đạt thần siva mùa ở Quảng Nam và Quan âm Nam Hải ở châu thổ sông Hồng: tương đồng và khác biệt</i>
33.	ThS. Nguyễn Thị Tô Hoài Viện Nghiên cứu văn hóa, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	<i>Phát huy vai trò của cộng đồng trong việc bảo tồn lễ hội dân gian ở ven biển tỉnh Quảng Nam hiện nay</i>
34.	TS. Vũ Ngọc Hoàng Tỉnh Quảng Nam	<i>Văn hóa xứ Quảng trong giữ nước và trong phát triển.</i>
35.	TS. Nguyễn Xuân Hồng Trường Đại học Khoa học Huế	<i>Biến đổi văn hóa vật chất làng tái định cư thủy điện xã Mả Cooih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam – nhận diện về việc bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống của tộc người Cotu</i>
36.	ThS. NCS. Đào Vĩnh Hợp Trường Đại học Sài Gòn	<i>Bảo tồn, phát huy giá trị các di sản Hội quán của người Hoa ở Quảng Nam gắn với phát triển loại hình du lịch văn hóa</i>
37.	TS. Tạ Quốc Khánh Viện Bảo tồn di tích	<i>Một vài giá trị tiêu biểu của hệ thống Chùa Việt ở tỉnh Quảng Nam</i>
38.	ThS. Đinh Thị Kim Loan Trường Đại học An Giang	<i>Những biến đổi về văn hóa và đề xuất giải pháp, điều kiện bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Quảng Nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển</i>
39.	ThS. Hoàng Thanh Mai Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	<i>Bảo tàng ngoài công lập với vai trò bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Quảng Nam</i>
40.	Lê Thị Mai Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	<i>Thu thủy - Hành sơn của Quảng Nam - Như một nét biểu trưng tâm thức sơ</i>
41.	PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh Trường Đại học Khoa học Huế	<i>Biến đổi văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay</i>
42.	PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh	<i>Bản sắc văn hóa với xóa đói giảm nghèo: từ lý luận đến thực tiễn ở các</i>

	Trường Đại học Khoa học Huế	<i>tộc người thiểu số ở Quảng Nam</i>
43.	Phan Thanh Minh - Hội Di sản văn hóa Quảng Nam	<i>Một số di sản Hán Nôm ở Quảng Nam - Giá trị và bảo tồn</i>
44.	TS. Nguyễn Hữu Mùi Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hán Nôm	<i>Văn bia ghi tên người đỗ khoa trường ở văn thành huyện Lễ Dương: một nguồn tư liệu quý</i>
45.	TS. Trần Đức Nguyên ThS. Lưu Ngọc Thành Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	<i>Trục thơ Bà Chơ Đuọc (xã Bình Triều, huyện Thăng Bình) trong dòng chảy tín ngưỡng thờ mẫu - nữ thần tại Quảng Nam hiện nay</i>
46.	TS. Trần Đức Nguyên TS. Nguyễn Anh Thư Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	<i>Bảo tồn và phát huy giá trị di sản khảo cổ học Champa ở Quảng Nam</i>
47.	Nguyễn Thị Thủy Nhung Trường Đại học Khoa học Huế	<i>Tìm hiểu tính cách con người xứ Quảng qua "Bộ ba Duy tân Quảng Nam"</i>
48.	ThS. Võ Thị Huỳnh Như Bảo tàng Lịch sử - Văn hóa, Trường Đại học KHXXH &NV Tp HCM	<i>Một số vấn đề về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể ở tỉnh Quảng Nam</i>
49.	ThS. Nguyễn Hải Như Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	<i>Di sản những Trưng tâm buôn bán nội thương ở đất Quảng Nam thời Chúa Nguyễn</i>
50.	ThS. Bùi Thị Kim Phương Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	<i>Một số gợi ý giải pháp phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng cho tỉnh Quảng Nam.</i>
51.	ThS. Nguyễn Hữu Phúc - CN. Huỳnh Hải Học Phòng tư liệu Tri Thông Đường, Tp. Huế	<i>Nét đặc trưng tín ngưỡng thờ mẫu của cư dân miền biển Quảng Nam và một số biện pháp bảo tồn</i>
52.	Trần Nguyễn Khánh Phong Hội Khoa học lịch sử Thừa Thiên Huế	<i>Văn học dân gian dân tộc Cotu trong mối quan hệ Quảng Nam và Thừa Thiên Huế</i>
53.	ThS. Trần Mai Phương Trường Đại học Khoa học Huế	<i>Nghệ thuật diễn tấu, vũ điệu, trang phục, các nghi thức liên quan đến văn hóa công nghệ của người Cotu và Xơ đăng ở Quảng Nam</i>
54.	TS. Hoàng Thị Tố Quyên (Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam) PGS.TS Phạm Văn Lợi (Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển)	<i>Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tộc người thiểu số Quảng Nam trong mối liên hệ giữa Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam và thực tế cuộc sống</i>
55.	TS. Nguyễn Ngọc Quý Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm KHXXH Việt Nam	<i>Cụm phế tích kiến trúc Chămpa ở thung lũng Chiêm Sơn Tây (Duy Xuyên, Quảng Nam): giá trị lịch sử văn hóa và những thách thức bảo tồn</i>

56.	TS. Võ Vinh Quang Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế	<i>Dấu ấn Quảng Nam độc đáo ở đất thần kinh: mở phần và văn bia mộ Đoan Hưng Quận công Nguyễn Văn Trường</i>
57.	PGS.TS Phạm Văn Lợi Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển	<i>Ngôi nhà sàn nóc mái hình mai rùa - một thành tố di sản văn hóa của một số tộc người tỉnh Quảng Nam cần được bảo tồn và phát triển</i>
58.	Nguyễn Thanh Lợi Trường CDSP Trung ương, Tp Hồ Chí Minh.	<i>Ghe bầu trong văn hóa Quảng Nam</i>
59.	ThS. Nguyễn Thị Hồng Lê Học viện Âm nhạc Huế	<i>Dân ca Quảng Nam với phát triển bền vững ở Quảng Nam hiện nay</i>
60.	TS. Nguyễn Thị Vĩnh Linh Trường Đại học Quảng Nam	<i>Nhân diện các giá trị văn hóa, lịch sử của đình làng Quảng Nam – qua trường hợp đình làng ở Tam Kỳ</i>
61.	ThS. Trần Đức Sáng Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế	<i>Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật chất của người Cotu ở khu tái định cư thủy điện A Vương (trường hợp xã Ma Coolih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam)</i>
62.	GS.TS Trịnh Sinh Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	<i>Giá trị lịch sử, văn hóa của Hội An và góc nhìn khai thác du lịch</i>
63.	PGS. TS. Nguyễn Hữu Sơn Viện Văn học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	<i>Vị thế tác gia Quảng Nam trong sinh quyển phong trào Thơ mới 1932-1945</i>
64.	ThS. Hà Thị Suong Trường Đại học KHXH&NV Tp Hồ Chí Minh	<i>Bảo tồn, phục dựng và quảng bá những giá trị của di sản văn hóa ở Quảng Nam trong bối cảnh điều kiện cách mạng 4.0 - Một số kinh nghiệm trong nước và quốc tế</i>
65.	Th.S Tăng Chánh Tín Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	<i>Lê công tá thổ của người Quảng Nam</i>
66.	ThS. Phạm Phước Tịnh Hội Khoa học Lịch sử thành phố Hội An	<i>Di sản văn hóa phi vật thể Nghệ mộc Kim Bông, Hội An: Bảo tồn và phát huy</i>
67.	ThS. Võ Thị Ánh Tuyết Trường ĐHKHXH&NV Tp. HCM	<i>Văn hóa truyền thống của cộng đồng người Hoa ở Hội An trong giao lưu văn hóa, hội nhập và phát triển</i>
68.	GS.TS Bùi Quang Thanh Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	<i>Một số vấn đề về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tộc người phục vụ phát triển du lịch bền vững ở tỉnh Quảng Nam.</i>
69.	TS. Đào Thanh Thái - ThS. Nguyễn Bích Diệp (Khoa Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)	<i>Chuyến đi sinh kế sau tái định cư - Nghiên cứu trường hợp người Cotu, huyện Nam Giang, Quảng Nam</i>
70.	ThS. Trần Thị Thái Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ	<i>Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa ẩm thực của người Cơ tu ở huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển</i>

71.	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh, Viện Dân tộc học ThS. Nguyễn Thanh Tùng, Viện Nghiên cứu Văn hóa	Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể từ kinh nghiệm của tỉnh Quảng Nam
72.	Hồ Xuân Tinh Thành phố Đà Nẵng	Bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội văn hóa Quảng Nam trong thời hội nhập
73.	ThS. Nguyễn Tiến - Trường Đại học Quảng Nam	Di sản văn hóa miền biển Quảng Nam - Hội nhập và phát triển
74.	ThS. Lưu Ngọc Thành Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	Bảo tồn và phát huy giá trị nền văn hóa khảo cổ Sa Huỳnh tại tỉnh Quảng Nam hiện nay
75.	PGS.TS Nguyễn Tất Thắng Trường Đại học Sư phạm Huế	Huyình Thúc Khang và cách viết sử đặc biệt trong thi từ từng thời đại - những giá trị cần phát huy đối với sử học
76.	ThS. Đặng Kim Thoa Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	Bảo tồn phát triển các giá trị văn hóa ở Quảng Nam trong thời kỳ hội nhập, toàn cầu hóa
77.	TS. Lê Xuân Thông Viện Khoa học Xã hội vùng Trung bộ	Chùa dân gian xứ Quảng: tình hình xây dựng, kiến trúc và thờ tự
78.	ThS. Hoàng Thị Thu Thủy Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	Vai trò của công đồng dân cư trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản - Trường hợp làng cổ Lộc Yên, xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam
79.	TS. Trần Thị Minh Thu Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	Nghệ thuật tuồng Quảng Nam: Giá trị, biến đổi và thách thức.
80.	PGS.TS Trần Thuận Trường ĐHKHXH&NV Tp HCM	Lựa Duyệt Xuyên và thương cảng Hội An điểm nhấn của con đường tơ lụa trên biển
81.	TS. Trịnh Tiến Thuận (DHSP Tp HCM) PGS.TS. Nguyễn Duy Bình (DHSP Hà Nội)	Hội An - Trung tâm giao lưu văn hóa Nhật- Việt và văn hóa thế giới thời kỳ chúa Nguyễn (TK XVII)
82.	TS. Đặng Như Thuồng Viện Sư phạm xã hội, Trường Đại học Vinh	Hát Bội Quảng Nam - Di sản văn hóa nghệ thuật đặc sắc cần được bảo tồn và phát huy
83.	TS Lê Xuân Thông (Viện Khoa học Xã hội vùng Trung bộ)ThS. Đinh Thị Toan (Nhà trưng bày Hoàng Sa, Đà Nẵng)	Văn bia Phật giáo Quảng Nam từ thời chúa Nguyễn đến triều Nguyễn (mùa sau thế kỷ XVII - 1945)
84.	TS. Lê Xuân Thông Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ	Chùa dân gian xứ Quảng: tình hình xây dựng, kiến trúc và thờ tự
85.	PGS. TS Tạ Văn Thông Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam	Bảo tồn và phát huy một giá trị văn hóa truyền thống đang có nguy cơ mai vãng Nam: ngôn ngữ các dân tộc thiểu số
86.	PGS.TS. Lưu Khánh Thơ Viện Văn học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	Các nhà thơ xứ Quảng trong phong trào thơ mới

87.	ThS. Nguyễn Chí Trung Trung tâm QLBT DSVH Hội An	<i>Di sản văn hóa làng nghề ở Quảng Nam - một số vấn đề đặt ra trongig thực tiễn, phát triển hiện nay</i>
88.	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	<i>Du lịch di sản ở Quảng Nam (một số giải pháp bảo vệ và phát huy)</i>
89.	TS. Vũ Diệu Trung Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam	<i>Giai pháp bảo tồn và phát triển làng nghề đúc đồng Phước Kiều, Quảng Nam</i>
90.	ThS. Tạ Trần Trọng Trường Đại học Văn Hiến Tp.Hồ Chí Minh	<i>Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Nam-thực trạng và giải pháp</i>
91.	TS. Nguyễn Thị Thanh Vân Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	<i>Làng dệt Mã Châu, Duy Xuyên, Quảng Nam truyền thống và định hướng phát triển</i>
92.	PGS.TS Phạm Thị Thùy Vinh Viện Nghiên cứu Hán Nôm	<i>Địa danh làng xã thuộc tỉnh Quảng Nam và các tiền hiện đến khai cơ qua điều tra xã chỉ năm 1943, 1944</i>
93.	Võ Quang Vinh Công an tỉnh Quảng Nam	<i>Nghiên cứu và vận dụng luật tục trong việc đảm bảo an ninh trật tự ở vùng các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển</i>
94.	TS. Trần Tấn Vinh Trường Đại học Quảng Nam	<i>Bảo tồn và phát huy nghề dệt thổ cẩm của dân tộc Cơ Tu ở Quảng Nam</i>
95.	Nguyễn Thị Vũ Thành phố Hồ Chí Minh	<i>Bảo tồn văn hóa nhìn từ đời ngũ nho sĩ Thăng Bình dưới triều Nguyễn</i>